TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁT HẢI** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS-ST
Ngày: 28-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT HẢI, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Văn Năm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Tân

2. Ông Bùi Văn Tiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Thư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 02/TB-TA ngày 22 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Tạ Hữu H, địa chỉ: Số 197 đường T, phường A, quận L, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đồng Duyên T, cư trú tại: Số nhà 18, Đ, phường ĐH, quận A, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 10 năm 2018); có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần A, địa chỉ trụ sở: Thôn M, xã N, huyện C, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Ánh D, cư trú tại: thôn M, xã N, huyện C, thành phố Hải Phòng là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc công ty); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 20-3-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Tạ Hữu H trình bày:

Ông và ông Phạm Ánh D là chỗ quen biết từ trước. Ngày 20-11-2014, hai bên có thỏa thuận việc vay tiền, đại diện bên cho vay là ông, bên vay là Công ty Cổ phần A do ông Phạm Ánh D (Chủ tịch Hội đồng quản trị) là người đại diện theo pháp luật của Công ty, ông cho Công ty vay 910.000.000 đồng, sau khi nhận tiền thì ông D tự viết giấy biên nhận, ký và đóng dấu pháp nhân của Công ty Cổ phần A, dấu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trong hợp đồng vay, hai bên không ghi thời hạn vay, mục đích vay, thời hạn trả nợ cụ thể, mà chỉ thống nhất với nhau là Công ty phải trả cho ông tiền lãi trên số nợ gốc còn lại cho đến ngày trả hết nợ gốc và lãi suất cho vay theo thỏa thuận miệng là 2%/ tháng.

Từ năm 2015, ông đã nhiều lần yêu cầu Công ty Cổ phần A trả nợ, nhưng ông D đại diện của Công ty vẫn chưa thanh toán cho ông bất kỳ số tiền nợ gốc và tiền lãi trên gốc.

Ngày 22-02-2016, ông gửi đơn đến Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hải Phòng, tố cáo ông D và Công ty Cổ phần A có hành vi gian dối chiếm đoạt số tiền 910.000.000 đồng của ông. Cơ quan cảnh sát điều tra xác định không có căn cứ xử lý hình sự mà hướng dẫn ông gửi đơn đến Tòa án để giải quyết vụ án dân sự.

Ngày 05-10-2018, ông đã ký giấy ủy quyền cho ông Đồng Duyên T được quyền thay mặt ông, làm việc với ông D, Công ty Cổ phần A và các tổ chức, cá nhân liên quan để thu hồi khoản nợ vay cho ông. Ông Đồng Duyên T đã nhiều lần liên hệ, làm việc với ông D và Công ty để yêu cầu thanh toán nợ nhưng đến nay Công ty vẫn không thanh toán.

Do đó, ông làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Cát Hải để yêu cầu giải quyết vụ việc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông. Ông yêu cầu Công ty Cổ phần A thanh toán ngay cho ông số tiền nợ gốc là: 910.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận giữa hai bên tính từ khi vay đến ngày thanh toán hết nợ.

Cụ thể, theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005, mức lãi suất áp dụng là 150% mức lãi suất cơ bản do ngân hàng nhà nước công bố (9% * 150% = 13.5%/năm) (Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 11 năm 2010 của Ngân hàng nhà nước, mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9%/năm). Như vậy, ngày tính lãi là ngày 22-02-2016, ngày đến hạn là ngày 27-11-2019, tổng số ngày lãi là 1.373 ngày, lãi suất 0,0370%/ngày.

Tổng số tiền Công ty Cổ phần A do ông D là người đại diện theo pháp luật nợ ông tính đến ngày 27-11-2019 là: 1.372.454.521đ, trong đó: Nợ gốc 910.000.000 đ và nợ lãi 462.454.521đ.

Tại Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 18-11-2019, bị đơn là Công ty Cổ phần A do ông Phạm Ánh D là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 20-11-2014, ông là người đại diện của Công ty Cổ phần A có ký hợp đồng vay tiền (Giấy biên nhận) của ông Tạ Hữu H với số tiền là 910.000.000 đồng để cho Công ty đầu tư kinh doanh. Ông là người trực tiếp viết giấy biên nhận và ký, đóng dấu của Công ty và dấu chức danh của ông như giấy biên nhận mà ông H xuất trình cho Tòa án là đúng, việc Công ty vay tiền là đúng, giữa Công ty và ông H không có thỏa thuận gì về lãi suất.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay nợ giữa Công ty với ông H: Cuối năm 2014, ông H hợp đồng miệng với Công ty là mua xe ô tô Lexus RX 350, hai bên thỏa thuận với giá là 56.000 USD và ông H quy đổi số tiền mà Công ty nợ 910.000.000đ = 44.000 USD. Như vậy, ông H còn nợ lại Công ty ông 12.000 USD, sau khi Công ty bàn giao xe cho ông H thì ông H gây tai nạn và dẫn đến xe hư hỏng nhiều, ông H có nhờ Công ty mua thiết bị phụ tùng để thay thế. Công ty mua thiết bị mất 6.800 USD và công thay thế là 58.000.000 đồng. Do vậy, số tiền nợ trên Công ty đã trả cho ông H xong, ngoài ra ông H còn nợ lại Công ty, gồm: 12.000 USD + 6.800 USD = 18.800 USD, quy đổi ra tiền Việt Nam đồng tại thời điểm này là 23.710đ/1USD, như vậy 18.800 USD x 23.710đ/1USD = 445.748.000 đồng + 58.000.000 đồng (công sửa chữa thay thế thiết bị bị hư hỏng của xe ô tô trên) = Tổng số tiền ông H còn nợ lại Công ty là 503.748.000 đồng, số tiền này Công ty và ông H sẽ tự thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì Công ty sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Để chứng minh cho việc Công ty đã trả nợ xong cho ông H thì Công ty không có giấy tờ gì để chứng minh, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ, chứng minh đều do Phòng PC 44 - Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng lưu giữ, trực tiếp ở đây là ông K thuộc đội 4, họ đầy đủ của ông K Công ty không nhớ rõ.

Đầu năm 2019, đại diện theo ủy quyền của ông H: Ông Đồng Duyên T có đến Công ty yêu cầu trả nợ số tiền trên và Công ty đã trả lời như trên, tuy nhiên ông T tuyên bố nếu Công ty không trả nợ thì ông H sẽ khởi kiện ra Tòa án. Công ty của ông đến nay vẫn hoạt động bình thường và không có thay đổi gì, việc Công ty ký hợp đồng với ông H thì các cổ đông đều biết.

Do Công ty Cổ phần A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ vắng mặt Công ty theo khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự; đồng thời, Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho Công ty theo khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bên cạnh đó, các văn bản tố tụng khi không tống đạt được cho Công ty, Tòa án đều tiến hành việc niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty, đồng thời niêm yết tại trụ sở UBND xã N.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tạ Hữu H và ông Đồng Duyên T thống nhất trình bày: Sau nhiều lần liên lạc bằng điện thoại để làm việc với Công ty về khoản tiền nợ nhưng không được, khoảng ngày 05 hoặc ngày 10 tháng 11 năm 2018, ông T trực tiếp đến Công ty gặp ông D là người đại diện theo pháp luật của Công ty để yêu cầu trả tiền nợ gốc và tiền lãi trên gốc nhưng đến hết ngày 19-3-2019, Công ty

vẫn không trả tiền nên ngày 20-3-2019 nguyên đơn mới có đơn khởi kiện. Nay, đề nghị Tòa án buộc Công ty phải trả cho nguyên đơn cả tiền gốc và tiền lãi với tổng số tiền là 1.372.454.521đ.

Tại phiên tòa, ông Phạm Ánh D là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần A trình bày: Ngày 10 tháng 11 năm 2018, ông T là người đại diện theo ủy quyền của ông H đã trực tiếp đến Công ty gặp ông để yêu cầu Công ty trả tiền nợ gốc và tiền lãi trên gốc. Nay, ông H yêu cầu Công ty trả nợ số tiền trên, Công ty không chấp nhận, vì Công ty đã trả nợ xong cho ông H nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cát Hải phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo tố tụng dân sự; bị đơn chưa tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

- Về quan điểm giải quyết đối với vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 468, 469 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết 01 ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Hữu H, buộc Công ty Cổ phần A phải thanh toán cho ông H tiền nợ gốc là 910.000.000đ và số tiền lãi trên nợ gốc chưa trả là: 910.000.000đ x 10% x 290 ngày/365 ngày, tiền lãi là 72.301.000 đồng, tổng số tiền phải trả là 982.301.000 đồng. Buộc Công ty Cổ phần A phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 41.469.000 đồng.

Nguyên đơn ông Tạ Hữu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần yêu cầu không được chấp nhận. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp án phí. Căn cứ Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên ông Tạ Hữu H không phải nộp án phí sơ thẩm dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án có quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, đối tượng tranh chấp là tiền Việt Nam

đồng; trong hợp đồng vay, hai bên không ghi thời hạn vay, mục đích vay, thời hạn trả nợ. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc Công ty Cổ phần A trả nợ gốc 910.000.000 đồng, đây là hợp đồng vay tài sản đang được thực hiện. Căn cứ vào giấy biên nhận ngày 20-11-2014 và lời khai của người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần A ngày 18-11-2019, có đủ căn cứ xác định ngày 20-11-2014 Công ty Cổ phần A vay của ông Tạ Hữu H số tiền gốc 910.000.000 đồng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu này của ông Tạ Hữu H là phù hợp với quy định tại Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Đối với yêu cầu buộc Công ty Cổ phần A trả nợ lãi trên gốc tính từ ngày 22-02-2016 đến ngày 27-11-2019 là 1.373 ngày và lãi suất là 0,0370%/ngày = 462.454.521đ. Căn cứ vào giấy biên nhận ngày 20-11-2014, thì xác định đây là hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi.

- Xét thời gian bắt đầu tính lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn và người đại diện theo pháp luật của bị đơn đều xác nhận vào ngày 10-11-2018, hai bên đã thông báo cho nhau về việc trả nợ; căn cứ Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn, thì việc xác nhận ngày 10-11-2018 nêu trên của hai bên được coi là đã thông báo cho nhau biết trước về một khoảng thời gian hợp lý và Tòa án xem xét không quá 03 tháng kể từ ngày thông báo trên. Như vậy, thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc chưa trả bắt đầu kể từ ngày tiếp theo liền kề của ngày phải trả lãi trên nợ gốc là ngày 11-02-2019 đến thời điểm xét xử là ngày 28-11-2019. Tổng cộng là 290 ngày.

- Về áp dụng mức lãi suất khi tính lãi: Căn cứ Điều 2, khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Lãi suất được xác định bằng 50% của 20%/năm của khoản tiền vay, cụ thể mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam để áp dụng là 10% của năm. Như vậy, tiền lãi trên nợ gốc chưa trả là: (910.000.000đ x 10%) : 365 ngày x 290 ngày = 72.301.000 đồng.

Tổng cộng số tiền nợ gốc và tiền lãi trên gốc, Công ty Cổ phần A phải trả cho ông Tạ Hữu H là: (910.000.000đ + 72.301.000đ) = 982.301.000đ.

[3] Đối với đề nghị của Công ty Cổ phần A (bị đơn):

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đều trình bày đã trả hết toàn bộ số nợ cho ông H, nhưng ông H vẫn giữ giấy biên nhận của Công ty và làm cơ sở cho bản thân mình để khởi kiện đến Tòa án. Chứng minh cho việc Công ty đã trả nợ xong cho ông H thì Công ty không có giấy tờ gì để chứng minh, tuy nhiên các tài liệu, chứng cứ, chứng minh đều do Phòng PC 44 - Cơ quan điều tra Công an thành phố Hải Phòng lưu giữ.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố nội dung biên bản làm việc giữa người đại diện theo ủy quyền của ông H với Phòng PC 44 - Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng, nay là Phòng PC 01 - Cơ quan Cảnh sát điều tra của Công an thành phố Hải Phòng ghi ngày 22-11-2019, có nội dung như sau:

"- Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra không tiếp nhận nội dung đơn của ông Tạ Hữu H tố cáo ông Phạm Ánh D vay của ông H số tiền 460.000.000 đồng đến nay chưa trả;

- Ngày 22-02-2016, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng tiếp nhận đơn của ông H: Năm 2104, ông H chuyển cho ông D 910.000.000 đồng để mua xe Lexus mang biển số Lào, nhưng sau đó ông H phát hiện xe không có giấy tờ nên ông H yêu cầu ông D trả lại số tiền nợ trên nhưng ông D không trả. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải Phòng đã tiến hành xác minh vụ việc và hướng dẫn cho ông H khởi kiện vụ việc trên ra Tòa án".

Hội đồng xét xử, xét thấy: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố và hỏi các đương sự về các vấn đề liên quan đến nội dung biên bản làm việc nêu trên, các đương sự không có ý kiến gì. Như vậy, việc trình bày của đại diện bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Một phần yêu cầu của nguyên đơn không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, nguyên đơn là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn nộp án phí. Căn khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên nguyên đơn được miễn nộp án phí;

- Yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nên bị đơn là Công ty Cổ phần A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Hữu H. Buộc Công ty Cổ phần A phải trả cho ông Tạ Hữu H tổng số tiền 982.301.000đ *(Chín trăm tám mươi hai triệu ba trăm linh một nghìn đồng)*, gồm 910.000.000 đồng tiền gốc, 72.301.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí: Công ty Cổ phần A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.469.000đ *(Bốn mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi chín nghìn đồng)*.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Cát Hải;
- Chi cục THADS huyện Cát Hải;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Văn Năm